

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống theo triều trong 5 ngày tới; mực nước thấp nhất ngày tại các trạm lên chậm trong 2-3 ngày đầu, những ngày sau xuống trở lại.
- Nội đồng TGLX: Trong 5 ngày tới, mực nước cao nhất, thấp nhất tại các trạm xuống chậm.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 23/01 đến 27/01/2022

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		22/01	So với cùng kỳ 2021	So với TBNN	23/01	24/01	25/01	26/01	27/01
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.44	0.28	0.04	1.41	1.35	1.27	1.23	1.21
						Min	0.03	-0.05	-0.56	0.04	0.07	0.12	0.10	0.06
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.49	0.31	0.11	1.44	1.38	1.30	1.26	1.24
						Min	-0.12	-0.14	-0.28	-0.11	-0.08	-0.03	-0.05	-0.09
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.37	0.38	-0.12	1.33	1.27	1.19	1.15	1.13
						Min	0.45	0.21	-0.47	0.46	0.49	0.54	0.52	0.48
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.60	0.22	0.21	1.56	1.50	1.42	1.38	1.36
						Min	0.01	-0.13	-0.44	0.02	0.05	0.10	0.08	0.04
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.65	0.32	0.26	1.60	1.54	1.46	1.42	1.40
						Min	-0.13	-0.26	-0.14	-0.12	-0.09	-0.04	-0.06	-0.10
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.53	0.29	0.17	1.48	1.42	1.34	1.30	1.28
						Min	-0.08	-0.16	-0.34	-0.07	-0.04	0.01	-0.01	-0.05
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.54	0.12	-0.03	0.52	0.49	0.46	0.44	0.43
						Min	0.26	0.10	-0.11	0.25	0.22	0.19	0.17	0.16
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.35	0.08	-0.01	0.34	0.32	0.29	0.28	0.27
						Min	0.26	0.04	-0.07	0.24	0.22	0.21	0.19	0.17
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.56	0.19	-0.01	0.53	0.50	0.46	0.44	0.43
						Min	0.28	0.17	-0.06	0.26	0.24	0.22	0.20	0.16
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.67	0.11	0.17	0.64	0.61	0.57	0.55	0.54
						Min	0.51	0.10	0.00	0.49	0.47	0.45	0.43	0.40
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.36	0.10	0.06	0.35	0.33	0.30	0.29	0.28
						Min	0.26	0.11	0.01	0.25	0.23	0.20	0.19	0.18
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.80	0.19	0.17	0.77	0.74	0.70	0.68	0.67
						Min	0.62	0.16	0.14	0.60	0.57	0.53	0.51	0.50
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Nặng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.13	0.28	0.20	1.09	1.05	1.01	0.99	0.98
						Min	0.62	0.13	0.02	0.59	0.55	0.51	0.49	0.48
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.83	0.19	0.07	0.80	0.77	0.73	0.71	0.70
						Min	0.57	0.15	-0.01	0.55	0.52	0.48	0.46	0.45

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 23/01/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan